

Số: /BC-UBND

Bến Tre, ngày tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Trả lời ý kiến thảo luận của Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ 16-Hội đồng nhân dân tỉnh, khóa IX

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ nội dung Báo cáo số 372/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tổng hợp ý kiến thảo luận tài liệu Kỳ họp thứ 16 của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; trước tiên, UBND tỉnh chân thành cảm ơn Quý đại biểu HĐND tỉnh đã quan tâm, dành thời gian nghiên cứu, đóng góp nhiều ý kiến để cùng hoàn chỉnh các nội dung trình tại kỳ họp. Để làm rõ những nội dung mà Quý đại biểu đặt ra tại các cuộc họp Tổ đại biểu, UBND tỉnh giải trình, làm rõ theo từng vấn đề, cụ thể như sau:

1. Nghị quyết về bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2020

1.1. Các ý kiến góp ý đối với khoản 1 Điều 2

a) Điểm a:

- *Tổ 1 đề nghị bổ sung giải pháp đối với các nội dung: (1) Các nhà máy nước phải cung cấp nước ngọt cho người dân khi có hạn, mặn để đảm bảo cuộc sống cho người dân. (2) Thúc đẩy hoàn chỉnh các công trình, các vùng liên kết để cung cấp nước ngọt đảm bảo sinh hoạt cho cả tỉnh.*

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã nghiên cứu, bổ sung giải pháp “chỉ đạo các nhà máy nước trên địa bàn tỉnh có kế hoạch/phương án chủ động nguồn nước ngọt thô đầu vào nhằm đảm bảo cung cấp nước ngọt cho người dân; thúc đẩy hoàn chỉnh các công trình, tích cực phối hợp với các địa phương trong vùng đề xuất với các Bộ ngành Trung ương sớm cho chủ trương triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và tổ chức thực hiện dự án tuyến truyền tải nước thô từ sông Tiền cung cấp cho 3 tỉnh Tiền Giang, Long An, Bến Tre” trong dự thảo Nghị quyết.

- *Tổ 3: Đề nghị bổ sung giải pháp: 1) Khảo sát quy hoạch vùng trồng, vùng nuôi phù hợp với tình hình hạn, mặn; 2) Ngăn chặn tình trạng khoan giếng lấy nước tưới cho cây trồng; 3) Để phấn đấu khu vực I tăng trưởng dương cả năm 2020, thì cần xác định cụ thể khôi phục loại cây trồng, vật nuôi nào mới bảo đảm tính khả thi; 4) Bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất và dân sinh. Trước mắt là trừ ngọt cục bộ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; 5) Đề nghị điều*

chỉnh “quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả hệ thống lọc RO được tài trợ” thành “quan tâm bảo trì và sử dụng lâu dài hệ thống lọc RO được tài trợ”.

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã bổ sung các giải pháp (2) và (5) vào dự thảo Nghị quyết. Đối với giải pháp (1) *Khảo sát quy hoạch vùng trồng, vùng nuôi phù hợp với tình hình hạn, mặn*, UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu và sẽ chỉ đạo ngành chức năng xem xét đưa vào Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đối với giải pháp (3) và (4), UBND tỉnh đã nghiên cứu, lồng ghép và bổ sung một số nội dung phù hợp với điều kiện của địa phương để thực hiện, cụ thể “khôi phục vườn cây ăn trái, vườn dừa, vụ màu, phát triển đàn heo an toàn, phòng chống tốt dịch bệnh trên gia súc gia cầm” và “Tăng cường công tác tuyên truyền và vận động các cơ quan, đơn vị và người dân thực hiện các biện pháp trữ nước ngọt và nước mưa để dự phòng sử dụng cho sản xuất, sinh hoạt khi có hạn mặn xảy ra”. Trong quá trình điều hành, UBND tỉnh sẽ tiếp tục triển khai hữu hiệu các giải pháp để bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất và dân sinh trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

- *Tổ 4: Đề nghị bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phục hồi phát triển đồng bộ khu vực I, II, III: 1) Đề nghị bỏ “Theo dõi chặt chẽ diễn biến,... chủ động sản xuất”, “bảo vệ thành quả sản xuất,... những tháng cuối năm”; 2) Đề nghị điều chỉnh “chỉ đạo hỗ trợ nông dân ... an toàn dịch bệnh” thành “chỉ đạo hỗ trợ nông dân chăm sóc tốt vụ lúa Hè Thu, Thu Đông 2020, khôi phục vườn cây ăn trái, vườn dừa, vụ màu; phát triển đàn heo, đàn bò, đàn dê và gia cầm theo nguyên tắc bảo đảm an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh; tập trung phát triển thủy sản, đặc biệt là tôm, cá”; 3) Nếu có hỗ trợ thiệt hại do hạn, mặn trong nông nghiệp, đề nghị bổ sung giải pháp “xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ cho người dân”.*

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã nghiên cứu, lồng ghép, bổ sung một số nội dung, giải pháp phù hợp với điều kiện của địa phương vào dự thảo Nghị quyết. Trong quá trình điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong những tháng cuối năm, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo ngành chuyên môn khẩn trương, tích cực thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp để phục hồi phát triển đồng bộ cả 03 khu vực kinh tế.

- *Tổ 5: dự thảo Nghị quyết có nội dung “Vận động các cơ quan, đơn vị và người dân thực hiện trữ nước ngọt và nước mưa để dự phòng sử dụng khi có hạn mặn xảy ra; quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả hệ thống lọc RO được tài trợ”. Nội dung này, thời gian qua tỉnh đã thực hiện nhiều nhưng chưa đạt hiệu quả do người dân còn chủ quan, đồng thời, việc tuyên truyền chưa có cơ sở khoa học, dự báo chính xác nên chưa tạo được lòng tin trong nhân dân. Đề nghị trong công tác tuyên truyền về hạn, mặn cần có cơ sở khoa học, dự báo chính xác về hạn, mặn để người dân tăng lòng tin chuẩn bị tốt hơn trong công tác ứng phó hạn, mặn. Đồng thời, việc trữ nước ngọt phải thực hiện với nhiều cấp độ từ hộ dân đến ấp xóm và khu vực.*

UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu, trong quá trình quản lý, điều

hành, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo ngành chức năng, địa phương nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tuyên truyền cho người dân về các biện pháp phòng, chống hạn, mặn và trữ nước ngọt. Đồng thời sẽ phản ánh với Đài Khí tượng thủy văn khu vực Nam Bộ và chỉ đạo Đài Khí tượng thủy văn tỉnh nghiên cứu, nâng cao hơn độ chính xác trong công tác dự báo, cũng như thông tin kịp thời đến người dân để chuẩn bị tốt hơn trong công tác ứng phó với thiên tai, hạn, mặn thời gian tới.

- *Tổ 5: Ngoài ra, mỗi khu vực của tỉnh có thiệt hại do hạn, mặn khác nhau; do đó, đề nghị bổ sung giải pháp khắc phục hạn, mặn cụ thể cho từng khu vực trên địa bàn tỉnh; trong đó, nêu rõ phải thực hiện các công việc, công trình nào để phòng, chống hạn, mặn ở từng khu vực. Việc khắc phục hạn, mặn phải được triển khai trên thực tế, có sự kết hợp chặt chẽ của ngành chuyên môn của tỉnh và các địa phương, tránh thủ tục hành chính kéo dài và chỉ đề ra chủ trương, kế hoạch trên giấy.*

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện các giải pháp khắc phục hạn mặn, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, địa phương xem xét, triển khai các giải pháp phù hợp với thực tế của từng địa phương để công tác phòng, chống, ứng phó được hiệu quả. Ghi nhận ý kiến của của Đại biểu, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát lại Kế hoạch số 627/KH-SNN ngày 17/3/2020 về phòng chống, ứng phó hạn mặn trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến năm 2025 để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; đồng thời chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, tham mưu xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Bến Tre giai 2021-2030, định hướng đến năm 2050; trong đó xác định cụ thể khu vực có nguy cơ, ảnh hưởng sâu của hạn mặn để có giải pháp khắc phục, ứng phó hiệu quả.

b) Điểm b:

- *Tổ 1 đề nghị bổ sung giải pháp xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu Tổ 1 và đã bổ sung giải pháp “quan tâm củng cố, nâng chất các tiêu chí đã đạt được để tiến tới xây dựng xã nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí đã ban hành” vào dự thảo Nghị quyết.*

- *Tổ 4 đề nghị bổ sung “tập trung hoàn thiện các công trình nông thôn mới” vào sau “Đẩy nhanh tiến độ ... năm 2020”: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.*

c) Điểm c:

- *Tổ 4: Đề nghị bổ sung “tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất sau dịch Covid-19” vào sau “tiếp tục cải thiện môi trường ... thủ tục hành chính”; đề nghị bỏ cụm từ “và bảo đảm trật tự an toàn xã hội” vì đặt ở nội dung này không hợp lý.*

Đối với nội dung trên, UBND tỉnh xin giải trình như sau: trong dự thảo Nghị quyết đã đề giải pháp “Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày

04/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 và Nghị quyết 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19”. Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Chỉ thị số 11/CT-TTg và Nghị quyết 84/NQ-CP đã bao hàm việc tập trung tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất sau dịch Covid-19; vì vậy UBND tỉnh đề nghị đại biểu xem xét, giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết. Đồng thời về cụm từ “và bảo đảm trật tự an toàn xã hội”, đề nghị được giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết vì cụm từ này nằm trong tên gọi của Nghị quyết 84/NQ-CP.

- Tổ 5: Dự thảo Nghị quyết quy định “Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm và rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính”. Đề nghị quy định cụ thể giải pháp khắc phục hạn chế này để triển khai thực hiện, không quy định chung chung (nêu rõ cắt giảm bao nhiêu thủ tục? Rút ngắn thủ tục nào, trong mấy ngày?...). Đồng thời, thực hiện tổng kết Chỉ thị số 07-CT/TU ngày 04 tháng 3 năm 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh cải cách hành chính trong hệ thống chính trị giai đoạn 2016-2020, rút kinh nghiệm về cải cách hành chính đề ra phương hướng cải thiện chỉ số cải cách hành chính trong những năm tới.

UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu, trong quá trình quản lý, điều hành sẽ quan tâm và chỉ đạo ngành chức năng, địa phương theo chức năng nhiệm vụ được giao tập trung thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị mình. Đồng thời, sau khi tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 (dự kiến trong tháng 7/2020), UBND tỉnh sẽ chỉ đạo xây dựng kế hoạch cải cách hành chính trong giai đoạn tới, trong đó sẽ đề xuất cụ thể nội dung và thời gian cắt giảm, rút ngắn các thủ tục và có giải pháp, lộ trình thực hiện phù hợp. Do đó, UBND tỉnh đề nghị Đại biểu xem xét, vẫn giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết.

d) Điểm d:

- Tổ 4: Đề nghị bổ sung “có giải pháp vận động các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trên địa bàn để đảm bảo thu ngân sách cho năm 2020” vào sau “Theo dõi chặt chẽ tiến độ ... dự toán thu năm 2020”: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

đ) Điểm đ:

- Tổ 1: Bộ Tài chính đã ban hành 16 Thông tư giảm phí, lệ phí từ 5%-20% đối với một số lĩnh vực, nhưng hiện nay tỉnh chưa cụ thể hóa để thực hiện. Do đó, để chủ trương chính sách đi vào cuộc sống, đề nghị bổ sung: Việc triển khai thực hiện 16 Thông tư của Bộ Tài chính. Tuyên truyền Luật đầu tư sửa đổi, trong đó có nội dung cấm hoạt động kinh doanh đòi nợ: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã nghiên cứu, bổ sung vào điểm d, điểm đ dự thảo Nghị quyết.

- *Tổ 2: đề nghị bổ sung vai trò chính quyền địa phương và các ngành chức năng (công an) vào cuối điểm đ, để kiên quyết xử lý triệt tiêu vấn đề tín dụng đen do tín dụng đen bây giờ rất tinh vi: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.*

- *Tổ 4 đề nghị nhấn mạnh giải pháp khai thông nguồn vốn từ ngân hàng đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, người dân: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã nghiên cứu, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết.*

e) Điểm e:

- *Tổ 1 đề nghị bổ sung “dự án điện gió ở Thanh Phú” vào sau “...dự án ODA”. Bổ sung giải pháp đầu tư phát triển đô thị.*

UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu, tuy nhiên *điểm e* của dự thảo Nghị quyết chủ yếu tập trung đẩy mạnh công tác giải ngân đầu tư công để phân đầu hoàn thành 100% vốn đầu tư công năm 2020; bên cạnh đó, hiện nay tiến độ thực hiện các dự án điện gió tại Thanh Phú cũng khá tốt, vì vậy UBND tỉnh đề nghị đại biểu xem xét, không bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị quyết. Trong quá trình điều hành, UBND tỉnh sẽ quan tâm chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian qua, công tác phát triển đô thị luôn được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 9 dự án được UBND tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư và có 12 dự án đầu tư khu đô thị mới đã được HĐND tỉnh thông qua phương án đề xuất dự án, tuy nhiên tiến độ thực hiện khá chậm do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu: Đối với một số dự án đã có Nhà đầu tư gặp vướng mắc trong công tác đền bù, GPMB. Đối với các dự án phải thực hiện quy trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư còn nhiều điểm quy định chưa rõ ràng, không phù hợp với thực tế nên khó triển khai thực hiện; hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định 25/2020/NĐ-CP thay thế Nghị định 30/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/4/2020 đã quy định rõ hơn, tuy nhiên hiện nay chưa có Thông tư hướng dẫn cụ thể từ Bộ, ngành Trung ương.

Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị đại biểu xem xét, không bổ sung giải pháp phát triển đô thị vào dự thảo Nghị quyết bổ sung trong 6 tháng cuối năm; trong quá trình điều hành, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo thực hiện các giải pháp để tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai các dự án nhằm đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung chỉ đạo các ngành chức năng và địa phương phối hợp chặt chẽ để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về mặt bằng cho các dự án đã có Nhà đầu tư, đồng thời chuẩn bị đầy đủ các điều kiện khi có Thông tư hướng dẫn sẽ tiến hành thực hiện các bước lựa chọn nhà đầu tư các dự án còn lại,

- *Tổ 2: dự thảo Nghị quyết nêu “phần đấu giải ngân 100% vốn đầu tư công năm 2020” là rất khó để có thể thực hiện được. Đề nghị cần nhấn mạnh giải pháp để có thể giải ngân 100%. Tổ 4 đề nghị nhấn mạnh sự quyết liệt hơn trong thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và*

giải ngân vốn theo kế hoạch; thực hiện điều chuyển vốn kịp thời đối với các dự án có tiến độ giải ngân chậm đến ngày 30 tháng 8.

Trong bối cảnh hiện nay, việc giải ngân 100% vốn đầu tư công rất khó thực hiện. Tuy nhiên với tinh thần “Bứt phá về đích” của cả hệ thống chính trị và nhân dân tỉnh nhà, đồng thời năm 2020 là năm cuối thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để tạo tác động lan toả đến toàn diện các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; do đó, UBND tỉnh đề xuất phấn đấu giải ngân 100% vốn đầu tư công để các ngành, các cấp nỗ lực, quyết tâm thực hiện. Trên cơ sở đó, song song với thực hiện các giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các các ngành, các cấp tập trung, nỗ lực hết mình, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp để hoàn thành cao nhất mục tiêu đề ra.

- Tổ 3 đề nghị có giải pháp đẩy nhanh tiến độ đầu tư khu công nghiệp Phú Thuận và cụm công nghiệp Phú Hưng; đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các công trình/dự án trọng điểm; thúc đẩy các nhà đầu tư trên lĩnh vực công nghiệp, xây dựng đô thị, kinh tế tư nhân đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; làm tốt công tác giải phóng mặt bằng.

UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu, trong quá trình quản lý, điều hành sẽ quan tâm và chỉ đạo ngành chức năng, địa phương tập trung giải quyết và tháo gỡ khó khăn vướng mắc của từng dự án, đặc biệt là trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, lựa chọn nhà đầu tư (đối với dự án ngoài ngân sách) để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới.

g) Điểm g:

Tổ 4 đề nghị bổ sung giải pháp hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, chú ý thương mại nội địa; tăng cường các hoạt động kích cầu tiêu dùng, kích cầu du lịch. UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu, tuy nhiên trong dự thảo Nghị quyết, tại điểm c khoản 1 và điểm d khoản 2 đã đề ra các giải pháp đối với hoạt động xúc tiến thương mại và kích cầu du lịch; vì vậy UBND tỉnh đề nghị đại biểu xem xét, giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết.

h) Điểm i:

Tổ 4 đề nghị bổ sung các giải pháp: triển khai việc lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2020-2030; quản lý đất đai, trật tự xây dựng đô thị; khắc phục ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, trong sản xuất và chăn nuôi. UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

1.2. Các ý kiến góp ý đối với khoản 2 Điều 2

- Tổ 3 đề nghị bổ sung giải pháp nâng cấp hệ thống truyền thanh tại 03 xã biển của huyện Bình Đại.

UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu, đồng thời sẽ chỉ đạo UBND huyện Bình Đại xem xét đề sớm đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh tại 03 xã biển của huyện từ các nguồn vốn do địa phương quản lý. Do đó, UBND tỉnh đề nghị đại biểu xem xét, giữ nguyên dự thảo Nghị quyết.

- *Tổ 4 đề nghị bổ sung các giải pháp nhấn mạnh nội dung: tập trung công tác an sinh xã hội, nhất là chính sách đối với người nghèo, người cận nghèo, gia đình chính sách; xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ người dân bị thiệt hại sau hạn, mặn; hỗ trợ đào tạo, tuyển dụng, nâng cao tay nghề lao động cho công nhân; nâng cao trách nhiệm cộng đồng của doanh nghiệp:* UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu và đã nghiên cứu, bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị quyết.

a) Điểm a:

- *Tổ 1 đề nghị bổ sung “Tập trung lựa chọn sách giáo khoa mới để đảm bảo năm học mới”. Tổ 2: Đề nghị điều chỉnh, bổ sung: 1) “theo kế hoạch điều chỉnh năm học của Ủy ban nhân dân tỉnh” vào sau “Tiếp tục thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học 2019-2020 đối với các cấp học”; 2) “đặc biệt là việc thực hiện chương trình thay sách giáo khoa mới cho lớp 1” vào sau “Chuẩn bị tốt các điều kiện khai giảng năm học mới 2020-2021”; 3) Điều chỉnh “Tổ chức nghiêm túc, an toàn, thực hiện đúng qui định tất cả các kỳ thi trong năm học, đặc biệt là kỳ thi tốt nghiệp THPT” thành “Tổ chức nghiêm túc, an toàn, thực hiện đúng qui định kỳ thi tuyển sinh lớp 10, kỳ thi tốt nghiệp THPT”.*

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã chỉnh sửa, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết như sau “Tiếp tục thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học 2019-2020 đối với các cấp học theo kế hoạch điều chỉnh thời gian năm học của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức nghiêm túc, an toàn, thực hiện đúng qui định kỳ thi tuyển sinh lớp 10, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông. Chuẩn bị tốt các điều kiện khai giảng năm học mới 2020-2021, đặc biệt là việc thực hiện chương trình thay sách giáo khoa mới cho lớp một”.

b) Điểm b:

- *Tổ 1 đề nghị bổ sung “Tập trung triển khai tạo nguồn đối với hợp đồng lao động có thời hạn ở nước ngoài để đạt chỉ tiêu”. UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.*

- *Tổ 4 đề nghị bổ sung “Đẩy mạnh công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng” vào cuối điểm b.* UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

c) Điểm c:

Tổ 4 đề nghị bổ sung giải pháp tăng cường công tác dự phòng, phòng chống dịch bệnh phát sinh (trên người) trong mùa mưa: UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

d) Điểm d:

- *Tổ 1 đề nghị bổ sung “Tiếp tục phối hợp thúc đẩy xem xét cấp huân, huy chương cho các đối tượng tham gia chiến đấu ở chiến trường Campuchia”.* UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã bổ sung vào điểm b, khoản 2 của dự thảo Nghị quyết.

- *Tổ 3 đề nghị bổ sung giải pháp phát triển du lịch; tạo ra nhiều sản phẩm du lịch mới.*

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết như sau “Tăng cường công tác thông tin, xúc tiến, quảng bá hình ảnh điểm đến du lịch Bến Tre để thu hút du khách; hướng dẫn các khu, điểm du lịch triển khai thực hiện biện pháp du lịch an toàn; khởi động và khôi phục nhanh các tour, tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh”.

1.3. Các ý kiến góp ý đối với khoản 3 Điều 2

- *Tổ 4 đề nghị bổ sung giải pháp kéo giảm tình hình tội phạm, tệ nạn ma túy.*

UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết như sau “Thực hiện hiệu quả các giải pháp kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, phòng chống ma túy và đảm bảo trật tự an toàn xã hội”.

a) Điểm a:

- *Tổ 1 đề nghị bổ sung “Tập trung chú trọng tuyển chọn thanh niên tham gia quân sự đạt chất lượng và xử lý thanh niên có hành vi chống đối để răn đe phòng ngừa chung”.* UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

- *Tổ 4 đề nghị điều chỉnh “Thực hiện hiệu quả... an toàn xã hội” thành “Thực hiện hiệu quả các giải pháp kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông và đảm bảo trật tự an toàn xã hội”.* UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Đại biểu và đã chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

b) Điểm c:

- *Tổ 1 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giải thích vì sao Chỉ số cải cách hành chính của Bến Tre xếp thứ hạng 63/63 tỉnh, thành. Nguyên nhân do đâu, ngành lĩnh vực nào? Trên cơ sở đó đề nghị bổ sung giải pháp nâng cao thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính, nêu cụ thể chỉ tiêu để phấn đấu thực hiện trong thời gian tới. Tổ 3 đề nghị bổ sung giải pháp nâng cao thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính, nêu cụ thể chỉ tiêu để phấn đấu thực hiện trong thời gian tới. Tổ 4 đề nghị nhấn mạnh sự quyết tâm cải thiện Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân.*

Chỉ số Cải cách hành chính (PAR-INDEX) để theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của các bộ, UBND các tỉnh, thành phố. Theo kết quả được công bố, năm 2019 Chỉ số PAR-INDEX của Bến Tre đạt 73,87% thuộc nhóm C

và xếp ở vị trí 63/63 tỉnh/thành phố. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụt giảm sâu điểm số và thứ hạng của chỉ số này chủ yếu do một số vấn đề như: Còn một số nhiệm vụ do Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao chưa hoàn thành; vẫn còn các VBQPPL tỉnh ban hành chưa đúng quy định, chậm xử lý các văn bản trái pháp luật và những hạn chế bất cập đã được cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền chỉ ra trong năm 2019; nhiều nhiệm vụ về quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công chưa hoàn thành hoặc thực hiện chưa đúng quy định... Vào ngày 03/6/2020 vừa qua, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị phân tích, đánh giá các Chỉ số PCI, PAPI, PAR-INDEX, SIPAS của tỉnh năm 2019, trên cơ sở đó UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 85/TB-UBND ngày 08/6/2020 để chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung triển khai thực hiện với 7 nhóm giải pháp nhằm duy trì, cải thiện điểm số, nâng cao thứ hạng của các Chỉ số, nhất là Chỉ số CCHC trong năm 2020 và những năm tiếp theo.

Đối với ý kiến của đại biểu, UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh, bổ sung trong dự thảo Nghị quyết giải pháp “xây dựng và triển khai kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế để quyết tâm cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR - INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức (SIPAS)”. Trong quá trình điều hành, quản lý UBND tỉnh sẽ tập trung, quyết liệt chỉ đạo các ngành, các cấp khắc phục các vấn đề còn tồn tại để nâng cao các chỉ số trong năm 2020.

- Tổ 6 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sớm ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 ban hành bảng giá các loại cây trồng để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh, nhằm khắc phục khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng dự án đường vào Bến phà tạm trong thời gian xây dựng cầu Rạch Miễu 2 và cụm công nghiệp Long Phước.

UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu và sẽ xem xét, sớm ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 để làm cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2. Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2020

- Tổ 1, 4, 6 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách.

Căn cứ Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND về Kế hoạch đầu tư Nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2020; trong đó, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thống nhất các thủ tục đầu tư cho các dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia với số vốn kế hoạch năm 2020 là 165,1 tỷ đồng. Hiện nay, theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 (cho 06 dự án của tỉnh Bến Tre) và công văn số 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phân bổ kế hoạch năm 2020, thì

chỉ có 02 dự án (*dự án Trung tâm chính trị hành chính Mỏ Cày Nam và Cầu Rạch Vong*) đủ điều kiện về hồ sơ thủ tục để giao kế hoạch vốn năm 2020 và đang được tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết tại Kỳ họp thứ 16 và tiếp tục đôn đốc khẩn trương hoàn tất hồ sơ, thủ tục các dự án còn lại (*nguồn dự phòng chung (16,1 tỷ đồng)*) và *Nghị quyết 797/NQ-UBTVQH14 (96 tỷ đồng)*) để đảm bảo điều kiện giao kế hoạch vốn năm 2020 trước ngày 30/9/2020.

Như vậy, để đảm bảo đúng quy trình thủ tục về phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm theo thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh tiếp thu ý kiến của Ban KTNS và điều chỉnh nội dung khoản 1 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết như sau: “*Đối với nguồn vốn được Trung ương bổ sung còn lại tại Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, giao bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016 – 2020 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2020 cho danh mục các dự án theo Quyết định số 755/QĐ-TTg, đảm bảo hoàn thành các thủ tục phân bổ trước ngày 30/9/2020*”.

- Tổ 2, 3 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 5: khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định:

“*a) Điều chỉnh kế hoạch vốn nước ngoài: Điều chỉnh bổ sung 02 danh mục dự án và kế hoạch vốn nước ngoài năm 2020, với tổng vốn điều chỉnh là 100.000 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm 65.000 triệu đồng*

b) Điều chỉnh kế hoạch vốn nguồn Ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020: Điều chỉnh giảm danh mục và kế hoạch vốn 10 dự án/chương trình để bổ sung vốn cho 02 dự án/chương trình, với tổng số vốn điều chỉnh là 176.125 triệu đồng; trong đó tăng/giảm 31.865 triệu đồng”.

Đề nghị quy định rõ các nội dung điều chỉnh nêu trên là tăng hay giảm?

UBND tỉnh ghi nhận ý kiến của Đại biểu và giải trình như sau: Khi tổng hợp, lập điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020 thành các nội dung trong dự thảo Nghị quyết, có điều chỉnh cắt giảm hoặc tăng vốn của một số dự án/chương trình để điều chuyển, bổ sung cho các dự án/chương trình khác. Như vậy, nội dung ký hiệu “tăng/giảm” được ghi trong dự thảo Nghị quyết thể hiện ý nghĩa là tăng vốn đối với dự án/chương trình này, đồng thời giảm vốn với dự án/chương trình khác với cùng một mức vốn đầu tư điều chỉnh (*giá trị tăng và giảm vốn bằng nhau*).

3. Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh

- Tổ 1, 4, 6 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách. Nội dung này, UBND tỉnh giải trình như sau:

+ Về các dự án Trường THCS thị trấn Ba Tri và Trường THCS thị trấn Thạnh phú: Khi trình phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, về nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh thống nhất hỗ trợ vốn một phần (*cụ thể, Trường THCS thị trấn Ba Tri tỉnh hỗ trợ 15 tỷ đồng, Trường THCS Thị trấn Thạnh phú tỉnh hỗ trợ 20 tỷ đồng*) và huyện cam kết đối ứng vốn huyện từ nguồn thu sử dụng đất để thực hiện dự án. Tuy nhiên, theo quy định hiện nay, số thu sử dụng đất các huyện được thu hàng năm nên việc cân đối bố trí vốn cho các dự án này không thể đảm bảo như yêu cầu; vì vậy, để tạo điều kiện cho dự án thực hiện đúng tiến độ, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất cân đối bố trí hết tổng mức đầu tư cho các dự án từ vốn ngân sách tỉnh trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 và cân đối bố trí chuyển tiếp sang kế hoạch trung hạn giai đoạn sau.

+ Về dự án ĐH.173: Dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ để đầu tư, khi phê duyệt dự án, chi phí giải phóng mặt bằng chỉ khoảng 192 tỷ đồng; tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện chi phí giải phóng mặt bằng đã tăng cao (khoảng 412 tỷ đồng), vượt khả năng cân đối trong cơ cấu tổng mức đầu tư. Do đó, để không làm tăng tổng mức đầu tư của dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh quy mô dự án (*cụ thể là cắt giảm các tuyến nhánh trong quy mô dự án*) để dành kinh phí bổ sung cho công tác giải phóng mặt bằng được hoàn chỉnh, tạo điều kiện triển khai thi công công trình. Việc cắt giảm các tuyến nhánh trong quy mô dự án không tác động nhiều đến mục tiêu thực hiện dự án, các tuyến nhánh kết nối bị cắt giảm sẽ được cân đối thực hiện từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

+ Về dự án Cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù Lao Minh trong điều kiện Biến đổi khí hậu và nước biển dâng: Dự án được Trung ương thẩm định nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ từ Chương trình Biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh (SP-RCC) cho giai đoạn 01 của dự án.

Hiện nay, các dự án hệ thống thủy lợi Bắc Bến Tre và Nam Bến Tre đang được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai đầu tư trên địa bàn tỉnh; sau khi rà soát, kiểm tra lại mục tiêu và nhu cầu sử dụng hệ thống cấp nước phù hợp với thực tế triển khai các hệ thống thủy lợi, Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh quy mô dự án (*cụ thể cắt giảm quy mô của giai đoạn 02, điều chỉnh lại quy mô cho giai đoạn 01*) vừa phù hợp với nhu cầu sử dụng của tỉnh vừa phù hợp với nguồn vốn Trung ương thẩm định và phân bổ hỗ trợ đầu tư dự án.

- Tổ 2, 3, 5 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

4. Nghị quyết về việc quy định mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ trên địa bàn tỉnh Bến Tre

- Tổ 1, 4 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và Ban văn hóa-xã hội.

- Tổ 2 thống nhất ý kiến thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách về thay đổi tên nghị quyết thành “*Nghị quyết về việc quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ trên địa bàn tỉnh Bến Tre*”.

- Tổ 3 thống nhất với dự thảo nghị quyết.
- Tổ 5, 6 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách

Đối với ý kiến của các Tổ đại biểu, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh tên nghị quyết thành “*Nghị quyết về việc quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ trên địa bàn tỉnh Bến Tre*”.

5. Nghị quyết về việc đặt tên Trường Trung học Phổ thông Võ Văn Kiệt, xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre

- Tổ 1, 4 thống nhất thông qua, nếu trước thời điểm diễn ra kỳ họp có được ý kiến đồng ý từ gia đình của danh nhân Võ Văn Kiệt.

- Tổ 2, 3 thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

- Tổ 5 thống nhất báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội.

- Tổ 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội.

Qua nghiên cứu ý kiến thảo luận của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình như sau:

- Tháng 12 năm 2006, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã về thăm những vùng bị thiệt nặng do cơn bão số 9 gây ra tại tỉnh Bến Tre và có đến thăm những hộ gia đình bị hư hại về nhà cửa, vườn cây ăn trái lâu năm bị tàn phá, gây đổ trên địa bàn các xã thuộc huyện Chợ Lách (trong đó có xã Long Thới). Để ghi nhớ tấm lòng, tình thân ái, sự quan tâm của cố Thủ tướng đối với bà con nơi đây, nhân dân xã Long Thới nói riêng và huyện Chợ Lách nói chung thống nhất cao việc sử dụng tên của Ông để đặt tên cho Trường Trung học Phổ thông tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách. Đồng thời, trước năm 1945, huyện Chợ Lách thuộc tỉnh Vĩnh Long và cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt là người con của đất Vĩnh Long, nên đây cũng là lý do huyện Chợ Lách sử dụng tên của Ông để đặt tên một công trình trường học trên địa bàn huyện.

- Khi chọn tên các danh nhân để đặt tên cho Trường Trung học phổ thông trên địa bàn xã Long Thới, huyện Chợ Lách giới thiệu tên của 03 danh nhân để lấy ý kiến, đó là: Đại thi hào Nguyễn Du, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt và Huỳnh Kim Phụng (quê huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long) là nữ Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (bị địch giết đưa thi thể về Chợ Lách năm 1970). Tại cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách mở rộng (lê kỳ tháng 02/2020), kết quả 10/11 phiếu đồng ý đặt tên trường là Võ Văn Kiệt; 01/11 phiếu đặt tên trường là Nguyễn Du và không có phiếu chọn đặt tên trường và “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” Huỳnh Kim Phụng. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách thống nhất trình Ban Thường vụ Huyện ủy Chợ Lách xin chủ trương đặt tên Trường Trung học Phổ thông tại xã Long Thới là Trường Trung học Phổ thông Võ Văn Kiệt. Sau khi có chủ trương của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện quy trình lập hồ sơ đặt tên trường theo quy định.

- Quá trình thực hiện hồ sơ, quy trình về đặt tên Trường Trung học Phổ thông Võ Văn Kiệt tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách, Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách đã liên lạc gia đình cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt xin ý kiến và được sự đồng ý của gia đình. Và đại diện gia đình cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt cũng đã thông tin, thông nhất với lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh về đặt tên Trường Trung học Phổ thông tại xã Long Thới mang tên cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt.

6. Nghị quyết quy định mức chi đối với Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre

- Tổ 1, 4, 6 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.

- Tổ 2, 3 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 5: Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị giải trình lý do quy định Hội thi Sáng tạo kỹ thuật lại không có giải đặc biệt, trong khi Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng lại có giải này. Nội dung này, UBND tỉnh giải trình như sau: Do Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính không quy định giải đặc biệt trong Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, mà chỉ quy định giải đặc biệt cho Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng (giải thưởng cao nhất về hiệu quả giải pháp, đồng thời tác giả là trẻ tuổi nhất Cuộc thi); vì vậy, việc điều chỉnh các nội dung như dự thảo Nghị quyết là phù hợp theo quy định hiện hành.

7. Nghị quyết về việc thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bến Tre

- Tổ 1, 2, 3, 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 4, 5 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách. Nội dung này, UBND tỉnh giải trình, làm rõ thêm một số vấn đề được Ban kinh tế - ngân sách thẩm tra như sau:

Mặc dù Quyết định số 1050a/QĐ-BTC hết sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2020 nhưng nếu không ban hành được Nghị quyết và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì tỉnh sẽ không quyết toán được nguồn tiền cấp bù từ Bộ Tài chính từ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (giá này cao hơn giá cũ và giá cũ cũng không còn hiệu lực), dẫn tới giảm tiền cấp bù cho địa phương chúng ta. Ngoài ra, ngày 04/11/2019, Tổng cục Thủy lợi có Công văn số 1560/TCTL-QLCT về việc đôn đốc thực hiện một số nhiệm vụ trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi, trong đó có nội dung “ ... Đề nghị địa phương chưa ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trong giai đoạn 2018-2020 căn cứ theo khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn trong kỳ họp tháng 12/2019 trước khi ban hành Quyết định...”, song do trong kỳ họp tháng 12/2019 ngành chức năng chưa hoàn chỉnh xong quy trình xây dựng Nghị quyết, vì vậy UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết này tại Kỳ họp thứ 16 để UBND tỉnh có

cơ sở ban hành và tổ chức thực hiện giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

8. Nghị quyết về việc bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bến Tre

- Tổ 1: đến thời điểm tổ chức kỳ họp nếu có ý kiến đồng ý của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ thì thống nhất thông qua nghị quyết.

- Tổ 2 thống nhất thông qua nếu có ý kiến trả lời đồng tình của các Bộ ngành Trung ương.

- Tổ 3 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 4 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách.

- Tổ 5 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách. Đồng thời, đề nghị quy định cụ thể nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết này thuộc cấp nào vào dự thảo Nghị quyết.

- Tổ 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách.

Qua nghiên cứu ý kiến thảo luận của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình như sau: Đến thời điểm này (ngày 02/7/2020), Ủy ban nhân dân tỉnh đã nhận được ý kiến phản hồi thống nhất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về ban hành quy định bố trí nhân viên thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bến Tre; riêng Bộ Nội vụ chưa có văn bản chính thức nhưng qua thông tin trao đổi thì Bộ Nội vụ đã có dự thảo văn bản cho ý kiến, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo ngành chức năng tích cực liên hệ với Bộ Nội vụ để sớm có thông tin phản hồi. Xuất phát từ những vấn đề trên, cũng như để tiếp tục thực hiện tốt hơn công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị đại biểu xem xét thông qua dự thảo nghị quyết theo nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình tại kỳ họp này. Riêng nguồn kinh phí thực hiện sẽ do ngân sách tỉnh đảm bảo.

9. Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020

- Tổ 1, 4, 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh các nội dung theo báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế-ngân sách.

- Tổ 2, 3, 5 thống nhất với dự thảo nghị quyết

10. Nghị quyết về việc bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong

năm 2020

- Tổ 1, 3, 5 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 2 đề nghị bổ sung dự án Mở rộng Kho đạn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tại xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc, diện tích cần thu hồi 2,21 ha (đã có trong danh mục thu hồi đất), trong đó diện tích chuyển mục đích sử dụng đất 1,9 ha. Nội dung này, UBND tỉnh giải trình như sau: Do chưa bố trí đủ kinh phí để triển khai thực hiện vào thời điểm này, nên Dự án Mở rộng kho đạn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tại xã Tân Phú Tây, huyện Mỏ Cày Bắc dự kiến sẽ đưa vào danh mục thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh vào kỳ họp cuối năm 2020. Vì vậy, UBND tỉnh thống nhất không bổ sung dự án Mở rộng kho đạn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh vào dự thảo Danh mục bổ sung các dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2020 theo ý kiến của Tổ đại biểu.

- Tổ 4, 6 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh các nội dung theo báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế-ngân sách.

11. Nghị quyết về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre

- Tổ 1, 2, 4, 6 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách. Nội dung này, UBND tỉnh cơ bản tiếp thu và đã điều chỉnh một số nội dung trong dự thảo Nghị quyết. Đồng thời, UBND tỉnh giải trình, làm rõ thêm một số vấn đề được Ban kinh tế-ngân sách thẩm tra như sau:

- Vấn đề 1: Về nội dung phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất.

Tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 270/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thực hiện, việc thẩm định này được quy định thành 03 nội dung với 03 mức thu khác nhau: (a) Thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất; (b) Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất; (c) Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất. Trong dự thảo Nghị quyết gộp 02 nội dung (a) và (b) lại, còn thiếu nội dung (c).”

Năm 2016, việc xây dựng đề án được thực hiện theo Thông tư 94/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Quyết định số 59/2006/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2006 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn về phí và lệ phí, trong đó quy định thẩm quyền quyết định là của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương. Bên cạnh đó, Thông tư số 270/2016/TT-BTC Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất là do cơ quan trung ương thực hiện.

Do hiện nay trên địa bàn tỉnh hạn chế khai thác nước dưới đất, nên hồ sơ cấp mới đối với nước dưới đất hầu như không có. Việc thăm định 03 nội dung: Đề án thăm dò nước dưới đất, Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất, Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất tương đồng nhau nên đề xuất ở mức giá như nhau. Năm 2016, 03 nội dung thu này gom lại thành 01 mục và gom chung báo cáo thăm dò, báo cáo hiện trạng. Vì vậy, Xin giữ như năm 2016 (gom a, b, c vào chung) và có bổ sung “khai thác sử dụng nước dưới đất” để giải trình rõ về 03 nội dung như Ban Ngân sách thăm định (dự thảo Nghị quyết).

- Vấn đề 2: Phí thăm định đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt, nước biển. Trong Thông tư số 270/2016/TT-BTC thì 02 nội dung này tách riêng, mức giá cũng hoàn toàn khác nhau. Vì sao trong dự thảo Nghị quyết gộp chung?”

Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác sử dụng nước biển nên chưa định lượng được nội dung ngoài thực tế. Qua tham khảo các tỉnh bạn cũng đã gộp 2 nội dung vào chung, nên đề xuất gộp vào chung 01 mức giá.

- Vấn đề 3: Phí thăm định đề án, báo cáo xả thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

Thông tư số 270/2016/TT-BTC quy định 02 nội dung: thăm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước và Thăm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản. Vì sao trong dự thảo Nghị quyết lại gộp 02 nội dung này?

Quy định này tại dự thảo Nghị quyết không phù hợp với thực tiễn của Bến Tre. Vấn đề cần quan tâm ở Bến Tre là việc xả thải vào nguồn nước và việc xả thải vào nguồn nước đối với hoạt động thủy sản. Cần xem xét cấu trúc lại quy định này.”

Năm 2016, khi xây dựng dự thảo Nghị quyết theo hướng dẫn của Thông tư 94/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, thì trong nội dung phí thăm định đề án, báo cáo xả thải vào nguồn nước có phân tiểu mục cho nội dung thu phí xả nước thải vào nguồn nước cho hoạt động nuôi trồng thủy hải sản và có cả mức thu. Bên cạnh đó, theo quy định của Luật Tài nguyên nước thì khi hoạt động xả nước thải đối với hoạt động này có lưu lượng từ 10.000m³ trở lên phải lập hồ sơ cấp phép. Việc cấp phép, thu phí thăm định cho đối tượng khi có lưu lượng xả thải từ 10.000m³ trở lên, còn dưới 10.000³ thì không tổ chức thu. Do đó, UBND tỉnh đề xuất giữ nguyên như dự thảo nghị quyết.

- *Vấn đề 4: “Riêng mức thu phí thẩm định đánh giá tác động môi trường có tăng so với Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND là 50%. Cơ quan trình cần giải thích lý do vì sao.”*

Theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND, từ năm 2018-2020 thì mức thu trung bình 01 dự án được trích lại sử dụng cho hoạt động thu phí khoảng **7,53 triệu đồng** (lấy 80% của trung bình năm 2018 là 144 triệu đồng, năm 2019 là 224 triệu đồng, năm 2020 là 55,8 triệu đồng); mức chi thẩm định trung bình cho 1 dự án khoảng **3,2 triệu đồng** (chi theo Thông tư 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 03 năm 2010) và số tiền thu phí đủ trang trải cho hoạt động thẩm định và thu phí. Từ năm 2020, mức chi thẩm định 01 dự án khoảng **10,9 triệu đồng** (chi theo Quyết định số 47/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2017, bao gồm chi phí thuê chuyên gia), mức chi này cao hơn mức chi trước đó khoảng 228%.

Với mức chi hiện tại, mức thu quy định tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND sẽ không đủ trang trải chi phí. Qua tính toán sự chênh lệch giữa mức chi hiện tại và mức thu được trích để lại (**giữa 10,9 triệu đồng và 7,53 triệu đồng, chênh lệch khoảng 45%**), đề xuất tăng mức thu phí cao hơn mức thu quy định tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND là 50%. Mức thu đề xuất tăng vẫn thấp hơn rất nhiều so với mức thu của Bộ Tài chính quy định tại Thông tư số 56/2018/TT-BTC và so với các tỉnh khác thì cũng tương đồng, phù hợp theo quy định.

- *Vấn đề 5 “Còn lại các loại phí, lệ phí: Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được tính theo quy định nào, cách tính ra sao? Cần làm rõ để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.”*

+ Mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Được tính chủ yếu theo Bộ đơn giá dịch vụ là Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2018 về quy định đơn giá dịch vụ đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre (mức lương cơ sở là 1.390.000 đồng) đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre có điều chỉnh lại mức lương cơ sở mới là 1.600.000 đồng, (**tăng khoảng 15%**) và bổ sung thêm phần khấu hao tài sản cố định (khoảng 10%) vì bộ đơn giá Quyết định số 45/2018/QĐ-UBND (xây dựng theo quy định Nghị định 141/2016/NĐ-CP) chưa tính khấu hao thiết bị.

+ Mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chủ yếu tính theo mức thu quy định tại Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND với mức lương cơ sở là 1.210.000 đồng, có điều chỉnh theo mức lương cơ sở mới là 1.600.000 đồng, **tăng 32,2%** so với mức lương cơ sở của năm 2016; có bổ sung thêm một số mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai, như sau:

Số TT	Loại tư liệu	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
I. Tài liệu, bản đồ, hồ sơ dạng giấy				
1	Bản đồ in (dạng giấy): Bản đồ địa chính các tỷ lệ, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch	Tờ A1 hoặc A0	1.5000.0	Mức thu này tham khảo và lấy bằng mức thu Thông tư 49/2013/TT-BTC
II Tài liệu, bản đồ, hồ sơ dạng số (tệp file):				
1	Bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/500	Mảnh	300.000	Mức thu này tham khảo và lấy bằng mức thu Thông tư 49/2013/TT-BTC
2	Bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/1.000	Mảnh	350.000	
3	Bản đồ địa chính, tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000	Mảnh	390.000	

+ Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không thay đổi theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND.

+Mức thu Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không thay đổi theo Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND, chỉ làm rõ tên gọi của công việc thu lệ phí theo đúng tên gọi quy định Luật Đất đai năm 2013.

- Vấn đề 5 “ Tham khảo mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường đối với các tỉnh: Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, chọn mức trung bình, đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống chính sách thu trong khu vực.”

+ Mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực môi trường: So sánh với mức thu các tỉnh lân cận: Lấy giá trị trung bình của từng nhóm, thì mức thu phí của tỉnh tương đồng với tỉnh Tiền Giang và Vĩnh Long. Mức thu này là căn cứ vào mức chi thực tế trong những tháng đầu năm 2020 mà tính toán, nên không thể lấy bằng với mức thu của các tỉnh lân cận.

Nhóm	Bến Tre	Tiền Giang	Vĩnh Long
Nhóm 1	11,19	10,9	9,88
Nhóm 2	14,7	14,28	14,28
Nhóm 2	15,9	15,4	15,4

Nhóm 3	15,81	15,26	15,26
Nhóm 4	16,77	16,22	16,22
Nhóm 5	17,37	16,78	16,78

+ Mức thu phí, lệ phí trong lĩnh tài nguyên nước:

4.	Thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	Bến Tre	Tiền Giang	Vĩnh Long
4.1	<i>Thẩm định lần đầu</i>	1.200.000	1.400.000	1.400.000
4.2	<i>Thẩm định gia hạn, bổ sung hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất</i>	50% mức thu điểm 4.1	700.000	700.000

+ Mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực đất đai:

Về cơ chế hoạt động của đơn vị Văn phòng đăng ký đất đai (đơn vị được giao thu phí, lệ phí) ở các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh hoạt động theo cơ chế là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí thường xuyên, còn Văn phòng đăng ký đất đai ở tỉnh Bến Tre là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi phí thường xuyên; đồng thời, các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh chưa tổ chức thực hiện thu phí, lệ phí theo quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính, vẫn còn thu đơn giá dịch vụ và thu phí, lệ phí theo Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, nên việc tham khảo mức thu phí, lệ phí các tỉnh Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh để so sánh, lấy mức trung bình là rất khó khăn, không thực hiện được.

Riêng về mức thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề xuất trình Hội đồng nhân dân phê duyệt lần này, nếu chỉ so sánh về các khoản chi trả của người sử dụng đất cho cùng loại công việc cấp Giấy chứng nhận ở các tỉnh tương tự như tỉnh Bến Tre, cụ thể: Cao hơn một ít so với bộ đơn giá thu dịch vụ công tại Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang; nhưng thấp hơn (vào khoảng 50%) so với bộ đơn giá thu dịch vụ công tại Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh Bạc Liêu; vẫn còn thấp hơn nhiều so với mức chi trả cho việc đăng ký, cấp Giấy chứng nhận tại tỉnh Bến Tre vào năm 2016 quy định tại bộ đơn giá thu dịch vụ đã ban hành Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Bến Tre (Bộ đơn giá được xây dựng với mức lương cơ sở 1.150.000 đồng).

- *Vấn đề 6: “ Cách tính phí phải tuân thủ nguyên tắc thu bù được chi phí hoạt động cho cơ quan, tổ chức thực hiện thu. Lý do là người dân trong tỉnh còn nhiều khó khăn và có nhiều nội dung phí trong lĩnh vực đất đai nhiệm vụ Nhà nước đã chi rồi (dự án VLAP) nhưng vẫn còn tiếp tục thu phân trách nhiệm của dự án VLAP.”*

+ Về Dự án Vlap thực hiện 05 huyện: Thạnh Phú, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc, Chợ Lách, Ba Tri với nhiệm vụ chính: Đo đạc thành lập bản đồ địa chính chính quy có gắn với hệ toạ độ nhà nước (mục đích để thực hiện quản lý tập trung cả tỉnh và cả nước) thay thế bản đồ lập theo Chỉ thị 299, đo đạc tạm thời có độ chính xác rất kém, không gắn với hệ toạ độ nhà nước; cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp theo số liệu đo đạc tạm thời sang Giấy chứng nhận mới theo số liệu đo đạc chính quy.

+ Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là việc thu phí cho các trường hợp cấp Giấy chứng nhận dạng đơn lẻ, khi người dân có yêu cầu giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai nộp tại bộ phận “Một cửa” gồm 31 thủ tục quy định tại Quyết định 1718/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã công bố, ví dụ như: Chuyển nhượng, thừa kế, cho, tặng, phân chia tài sản quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất,...

- *Vấn đề 7: “ Việc quản lý, sử dụng số tiền phí để lại cần bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.”*

Nội dung này đã được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4. Quản lý, sử dụng các loại phí trong dự thảo Nghị quyết.

- Tổ 3, 5 thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

12. Nghị quyết về việc quy định một số chính sách cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre

- Tổ 1 đề nghị bổ sung thêm đối tượng là lực lượng dân quân nông cốt.

Vấn đề này, UBND tỉnh nhận thấy chưa thể đưa vào dự thảo Nghị quyết, vì dự thảo Nghị quyết này trên tinh thần hợp nhất giữa 02 Nghị quyết (*Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định bổ sung các đối tượng chính sách được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để tham gia xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh Bến Tre và Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Bến Tre*), nên đối tượng hỗ trợ được giữ nguyên theo Nghị quyết số 24 và Nghị quyết số 20 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Nội dung nghị quyết chỉ điều chỉnh mức hỗ trợ bằng với mức hỗ trợ của Trung ương theo quy định của Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Liên Bộ Lao

động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ, cao hơn so với mức quy định của Nghị quyết số 20 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời thay thế nội dung hỗ trợ đào tạo nghề bằng nội dung hỗ trợ chi phí làm thị thực (visa). Do đó, UBND tỉnh thống nhất giữ nguyên như dự thảo nghị quyết.

- Tổ 2, 3 thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

- Tổ 4, 6 thống nhất với báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã bổ sung, điều chỉnh theo báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế-ngân sách.

- Tổ 5: Tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết về trình tự thủ tục, hồ sơ: đề nghị bổ sung “*theo Thông tư 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác*”. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã bổ sung, điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết.

13. Nghị quyết thông qua Đề án đề nghị công nhận thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đạt tiêu chí đô thị loại IV

- Tổ 1, 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm tra của các Ban.

Báo cáo thẩm tra của các Ban cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết. Về nội dung đề nghị quan tâm nâng chất các tiêu chuẩn chưa đạt; có giải pháp lộ trình thực hiện nâng chất các tiêu chuẩn chưa đạt, đạt thấp, UBND tỉnh ghi nhận và sẽ chỉ đạo ngành chức năng tiếp tục phối hợp địa phương có giải pháp đề xuất cụ thể trong nội dung chương trình phát triển đô thị thị trấn Mỏ Cày sau khi thị trấn Mỏ Cày và khu vực mở rộng huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Tổ 2, 3, 4, 5 thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

14. Nghị quyết thông qua phương án quy hoạch Khu đô thị nông nghiệp thông minh - công nghiệp sạch và dịch vụ du lịch tổng hợp

- Tổ 1, 2, 3 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 4, 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm tra của các Ban. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh các nội dung theo báo cáo thẩm tra của các Ban.

- Tổ 5 đề nghị điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết thành Nghị quyết thông qua chủ trương, phương án quy hoạch Khu đô thị nông nghiệp thông minh - công nghiệp sạch và dịch vụ du lịch tổng hợp. Đồng thời, điều chỉnh nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết thành:

“Điều 1. Thống nhất thông qua **chủ trương** phương án quy hoạch Khu đô thị nông nghiệp thông minh - công nghiệp sạch và dịch vụ du lịch tổng hợp, gồm các nội dung chính như sau:

Qua nghiên cứu, xét thấy cụm từ “**phương án**” được dùng trong dự thảo Nghị quyết cơ bản đã bao hàm được mục tiêu ý nghĩa của cụm từ “chủ trương”, vì: Phương án đề xuất quy hoạch không phải là đề án hay đồ án quy hoạch mà là sản phẩm nghiên cứu khoa học trên cơ sở gắn với nội dung báo cáo tầm nhìn chiến lược của tỉnh giai đoạn đến năm 2045, với mục tiêu hướng đến mô hình phát triển mới phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại; Về pháp lý phương án không phải là cơ sở để cơ quan thẩm quyền quản lý, triển khai thực hiện mà là nội dung nghiên cứu đề xuất để tỉnh xem xét lồng ghép, tích hợp vào trong các quy hoạch có liên quan nhằm làm cơ sở triển khai đồng bộ, hệ thống. Do đó, từ các cơ sở nêu trên, UBND tỉnh thống nhất không điều chỉnh các nội dung theo ý kiến của Tổ 5.

15. Nghị quyết về việc thông qua phương án đề xuất Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Khu phố 4, thị trấn Mỏ Cày

- Tổ 1, 2, 3, 5 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 4, 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm tra của các Ban. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết. Bên cạnh đó, qua trao đổi phối hợp giữa ngành chức năng với địa phương thì do ranh đề xuất dự án hiện có một phần diện tích (dưới 10% dự án) thuộc xã Đa Phước Hội; do đó, UBND tỉnh đề xuất bổ sung nội dung tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết thành “*Địa điểm: Khu vực quy hoạch thuộc một phần Khu phố 4, thị trấn Mỏ Cày và một phần xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày Nam*”. Ngoài ra, đối với các vấn đề lưu ý khác như: sự phù hợp quy hoạch, tính khả thi dự án, tỷ lệ bố trí nhà ở xã hội theo quy định, lưu ý các ý kiến phản biện xã hội của Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam, UBND tỉnh ghi nhận và đã chỉ đạo ngành chức năng có báo cáo giải trình cụ thể.

16. Nghị quyết về việc thông qua Phương án đề xuất Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Mỹ An, thành phố Bến Tre

- Tổ 1, 2, 3, 5 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 4, 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm tra của các Ban. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết. Ngoài ra, đối với các vấn đề lưu ý khác như: sự phù hợp quy hoạch, tính khả thi dự án, tỷ lệ bố trí nhà ở xã hội theo quy định, lưu ý các ý kiến phản biện xã hội của Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam, UBND tỉnh ghi nhận và đã chỉ đạo ngành chức năng có báo cáo giải trình cụ thể.

17. Nghị quyết về việc thông qua Phương án đề xuất Dự án đầu tư phát triển Khu đô thị mới Mỹ Hóa, thành phố Bến Tre

- Tổ 1, 2, 3, 5 thống nhất với dự thảo nghị quyết.

- Tổ 4, 6 thống nhất với dự thảo nghị quyết và báo cáo thẩm tra của các Ban. Nội dung này, UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh trong dự thảo Nghị quyết. Ngoài ra, đối với các vấn đề lưu ý khác như: sự phù hợp quy hoạch, tính khả thi dự án, tỷ lệ bố trí nhà ở xã hội theo quy định, lưu ý các ý kiến phản biện xã hội của Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam, UBND tỉnh ghi nhận và đã chỉ đạo ngành chức năng có báo cáo giải trình cụ thể.

Thực hiện theo quy định, UBND tỉnh đã tổng hợp, trả lời những vấn đề đại biểu đặt ra trong báo cáo này, nếu còn vấn đề nào chưa rõ, đề nghị Quý đại biểu HĐND tiếp tục đặt ra, UBND tỉnh nghiêm túc tiếp thu, nghiên cứu và sẽ tiếp tục giải trình với Quý đại biểu HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- UBMTTQ tỉnh và các huyện, TP;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Chánh, các PCVPUBND tỉnh;
- Phòng: TH, TCĐT, KT, KGVX;
- Công TTĐT;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Văn Trọng